CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Số 128 Nguyễn Trường Tộ, P Bình Khánh, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
www.moitruongdothi.angiang.org.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
Ký ngày: 17/4/2021 09:43:12

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

MỤC LỤC

I
THÔNG TIN CHUNG 05

II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 22

III
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 45

IV
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 55

V
QUẢN TRỊ CÔNG TY 60

VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020 67

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Mô hình quản trị

Các rủi ro

Thông tin khái quát

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang
Tên viết tắt:	Công ty CP MTĐT An Giang
Tên Tiếng Anh:	AN GIANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu:	AGE
Vốn điều lệ:	198.930.000.000 đồng
Trụ sở chính:	Số 128 Nguyễn Trường Tộ, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại:	(0296) 384 4848
Fax:	(0296) 3959 552
Email:	ctymtdtag@gmail.com
Website:	www.moitruongdothi.angiang.org.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN:	số 1601604590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 24/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018.

Quá trình hình thành và phát triển

1999

Công ty Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1649/QĐUB-TC ngày 31/07/1999 của UBND tỉnh An Giang.

2004

Ban Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1531/QĐ-UB- NV ngày 11/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở chuyển đổi Công ty Công trình Đô thị Long Xuyên thành đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thuộc UBND thành phố Long Xuyên.

2011

Ban Công trình Đô thị Long Xuyên chuyển đổi hình thức hoạt động từ đơn vị sự nghiệp có thu sang Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang làm chủ sở hữu, theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2015

Công ty thực hiện theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 18/08/2015 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án chuyển giao hoạt động dịch vụ công ích cấp huyện cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang.

2016

Công ty đã thành lập các Xí nghiệp Môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang và các Xí nghiệp bắt đầu hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp nhà nước vào ngày 01/01/2016.

2017

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 3839/QĐ-UB-ND ngày 26/12/2017 của UBND Tỉnh An Giang.

2018

Ngày 28/03/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang nhận được Công văn số 4375/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc cấp mã chứng khoán AGE để Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 18/04/2018, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang đã tiến hành bán đấu giá lần đầu ra công chúng số lượng cổ phần là 9.569.000 (ứng với 51% số cổ phần có quyền biểu quyết).

Từ ngày 04/10/2018, Công ty chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang sang Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị An Giang và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 với vốn điều lệ ban đầu là 198.930.000.000 đồng.

2019

Ngày 09/01/2019, Công ty cổ phần Đô thị An Giang nhận được công văn chấp thuận số 275/ UBCK-GSĐC của UBCKNN về việc chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 08/08/2019, Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày 02/08/2019 và công văn số 7183/VSD-ĐK của VSD ngày 02/08/2019 về việc đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang. Số lượng chứng khoán đăng ký là 19.893.000 cổ phần.

2020

Các giải thưởng tiêu biểu

Năm 2018

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang khen tặng Công ty đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong năm 2018.
Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ cho Công ty với thành tích "Đơn vị xuất sắc trong phong trào Xanh sạch đẹp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động năm 2018".

Năm 2019

Năm 2019: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang khen tặng Công ty đã có thành tích tiêu biểu góp phần củng cố, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2019.
Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh An Giang tặng bằng khen cho Công đoàn cơ sở CTCP Môi trường Đô thị An Giang đạt thành tích xuất sắc trong phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" năm 2019.

Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Long Xuyên và các huyện, thị, thành thuộc tỉnh An Giang. Ngoài ra, Công ty còn có chức năng thực hiện thu gom và xử lý rác nguy hại ở một số điểm thuộc các tỉnh lân cận như Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ tạo thêm nguồn thu để duy trì, phát triển doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất gạch lót vỉa hè, thùng rác, xe rác kéo tay, khung thép hạ tầng, cửa các loại;
Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác;
Trồng cây lâu năm, trồng hoa hàng năm, cắt tỉa các cây xanh hoa kiểng;
Xây dựng các công trình đường bộ, công trình điện, công trình thuỷ, công trình chế biến chế tạo, công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Quét rác đường phố, vỉa hè; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, y tế, công nghiệp; khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

Duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; sơn vạch kẻ đường
Rút hầm cầu, hầm lắng; cung cấp dịch vụ vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân;
Thi công xây dựng công trình cầu, đường, dân dụng, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước thải.

Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty tập trung nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của tất cả các Xí nghiệp, Phòng, tổ đội đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, tăng sản lượng thực hiện hoạt động dịch vụ công ích của các Xí nghiệp môi trường đô thị, hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch, chất lượng công việc đảm bảo ngày càng tốt hơn tạo lòng tin đối với lãnh đạo UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở đó UBND tỉnh tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh với Công ty nhằm duy trì được doanh thu hàng năm giúp doanh nghiệp hoạt động ngày càng ổn định.
Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty như thu gom, vận chuyển rác cho các Công ty, Xí nghiệp, chăm sóc mé tỉa cây xanh, xử lý cống nghẹt, rút hầm cầu, vận chuyển đồ, cho thuê nhà vệ sinh, bán thùng rác,...

Mục tiêu chủ yếu

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty là một trong những doanh nghiệp mạnh của lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, lấy hiệu quả kinh tế là chuẩn mực cho sự phát triển ổn định và bền vững.
Duy trì và phát triển sản phẩm dịch vụ công ích đô thị gồm: vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, chiếu sáng, đồng thời mở rộng cung ứng đầy đủ dịch vụ lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh như vệ sinh, thu gom xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại, xử lý nước thải, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị,... nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

Mô hình Quản trị

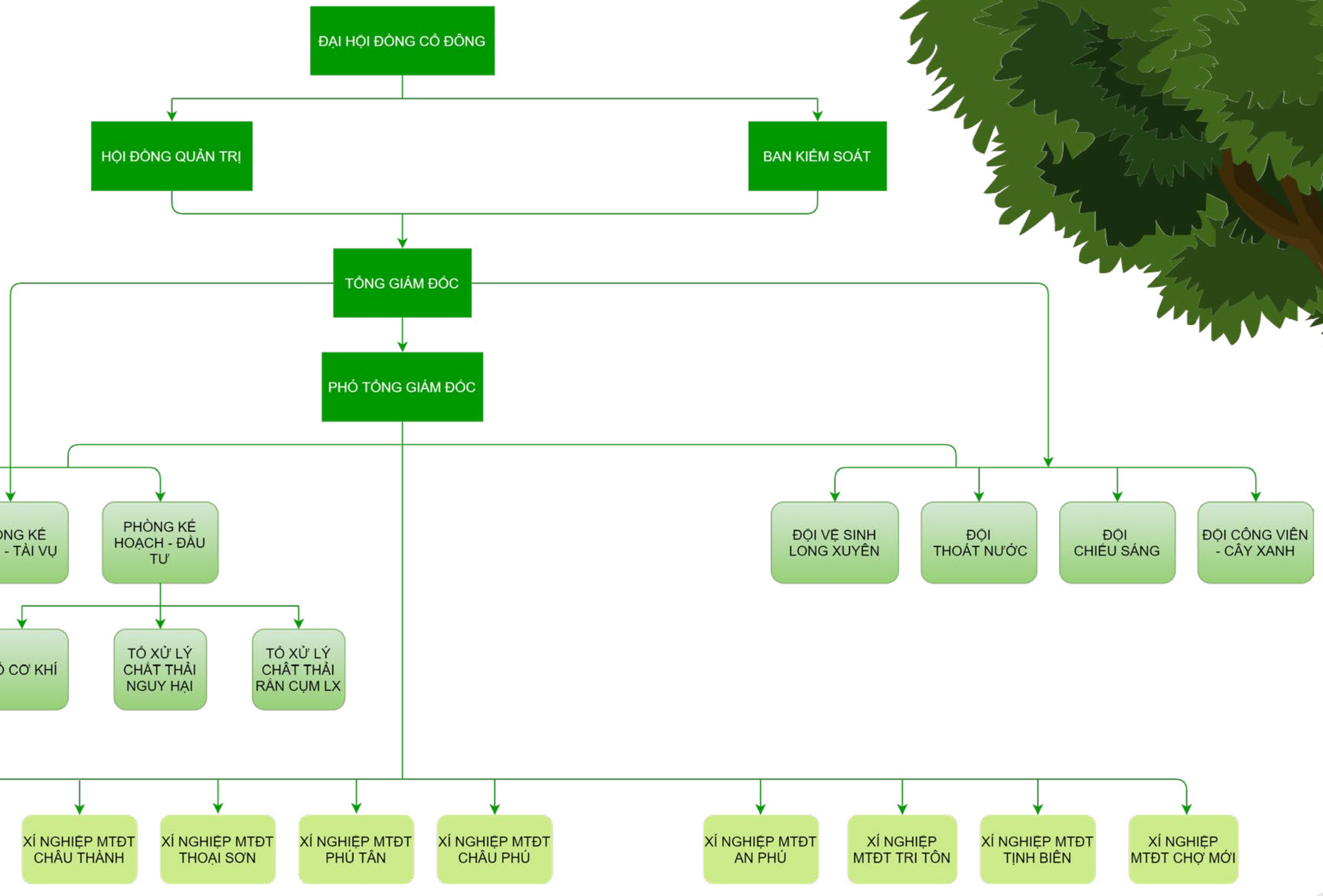

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Những tháng đầu năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Sức chống đỡ của thị trường Việt Nam gần như cạn kiệt khi hàng nghìn doanh nghiệp vừa và nhỏ tạm ngừng hoạt động và giải thể. Bên cạnh đó năm 2020 là năm có diễn biến thời tiết thất thường. Ở An Giang, hạn hán xuất hiện sớm, tình hình sạt lở diễn ra thường xuyên làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và chính quyền địa phương đã hạn chế được một số thiệt hại do dịch bệnh và thiên tai gây ra. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 tăng 2,91%, là một trong số ít các quốc gia có mức tăng trưởng dương tại thời điểm Covid-19 hoành hành. Các lĩnh vực văn hoá, an sinh xã hội, cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực. Điều này có tác động tốt đến doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích như AGE. Theo đó, khi quy mô đô thị mở rộng, mật độ dân số tăng, hệ thống hạ tầng được nâng cấp thì khối lượng công việc về dịch vụ công ích như vệ sinh môi trường, nhà máy, xí nghiệp sẽ tăng lên. Các yếu tố trên tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian tới, tỉnh An Giang đặt các mục tiêu chủ yếu như: Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiềm chế giá cả, lạm phát. Khai thác triệt để các lợi thế của tỉnh trong liên kết vùng để phát triển kinh tế ổn định, bền vững. Tập trung triển khai chương trình kích cầu du lịch nội địa để thu hút khách du lịch hậu Covid-19 và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công nhằm nâng cao đời sống cho người dân. Đây là những điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động và xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn cho những năm tiếp theo

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, Công ty còn phải đối mặt với những tình huống mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về Phòng cháy chữa cháy và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Để các doanh nghiệp duy trì xuyên suốt hoạt động thì chắc chắn cần sự điều phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong môi trường toàn cầu hoá như hiện nay, Chính phủ liên tục rà soát, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng hệ thống pháp lý được chặt chẽ và hoàn thiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế xã hội. Với tư cách một công ty cổ phần đại chúng, AGE hoạt động và chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường,... Gần đây nhất, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cùng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 cũng góp phần tác động lớn đến sự thay đổi trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, để đảm bảo hoạt động kinh doanh được hiệu quả và tránh các rủi ro về pháp lý, doanh nghiệp luôn thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có rủi ro xảy ra.

Các rủi ro đặc thù

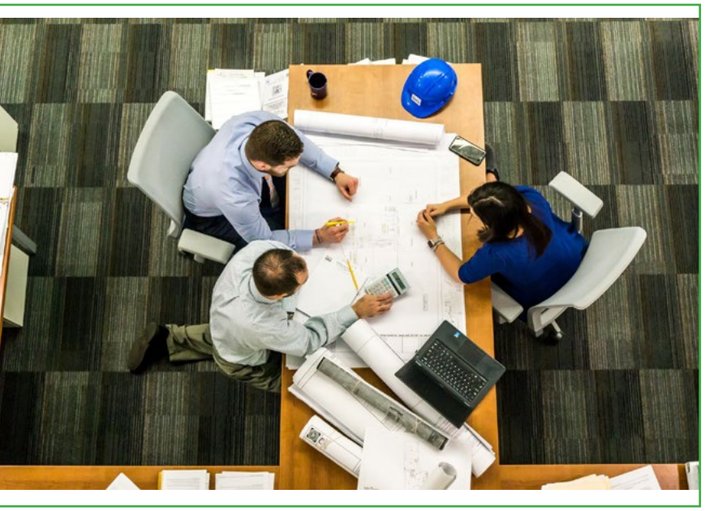

Rủi ro An toàn lao động

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, người lao động của công ty đa phần làm việc trong môi trường ngoài trời vì vậy chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố thời tiết và điều kiện môi trường xung quanh. Không chỉ vậy, công nhân lao động còn phải tiếp xúc với các loại chất thải rắn chưa qua xử lý trong quá trình lao động như nạo vét cống, khai thông có thể gây ảnh hưởng đến sức khoẻ. Trong số các dịch vụ còn có công tác tu sửa điện công cộng, hoạt động này thường xuyên làm việc trên cao và ngay các tuyến đường giao thông cũng phần nào gây rủi ro tai nạn trong quá trình lao động. Người lao động là một trong các yếu tố quan trọng trong quá trình vận hành doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn quan tâm đến chất lượng cuộc sống của nhân viên, tạo điều kiện để người lao động thực hiện tốt công việc. Đồng thời thực hiện tốt các công tác an toàn lao động và bảo hộ cho nhân viên như tổ chức các buổi tập huấn để thực hiện tốt công tác phòng ngừa và xử lý sự cố trong lao động để giảm thiểu những bất lợi có thể xảy ra trong quá trình làm việc.

Lĩnh vực Dịch vụ công ích

Giá thành sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công là một trong những rủi ro đặc trưng của ngành. Bởi vì đơn giá của các sản phẩm dịch vụ này phù thuộc vào khung quy định của nhà nước, doanh nghiệp không thể chủ động trong sự biến đổi của các chi phí đầu vào. Nếu chi phí đầu vào có biến động lớn theo xu hướng bất lợi thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, vấn đề này trở thành thách thức đối với Ban lãnh đạo Công ty trong việc tiết giảm giá đầu vào. Vì vậy công ty luôn lên các phương án kế hoạch quản trị rủi ro chặt chẽ để giảm thiểu tình trạng bị động trong giá thành nguyên vật liệu đầu vào nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình thực hiện công tác thu gom và xử lý rác thải Công ty nhận thấy rằng ý thức người dân còn chưa cao đồng thời các qui định chế tài về môi trường chưa được xử lý triệt để khiến tình trạng ô nhiễm môi trường càng nặng nề. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh An Giang vẫn đang trong quá trình xây dựng còn nhiều khu vực chưa hoàn thành gây trì hoãn công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn khu vực. Ngoài ra do nguồn vốn Ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh còn hạn chế nên việc đầu tư vào các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường chưa được đáp ứng. Tỷ lệ đầu tư của các doanh nghiệp cho các công trình xử lý môi trường nói chung và chất thải nói riêng còn thấp. Vì vậy, Công ty cần chủ động lên kế hoạch trong việc đầu tư trang thiết bị của doanh nghiệp để xác định chiến lược và hướng phát triển của Công ty trong dài hạn, thường xuyên chủ động nắm bắt thông tin từ Uỷ ban Tỉnh, theo dõi sát sao tình hình kinh tế trong tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tham gia xây dựng nông thôn mới của người dân trong tỉnh nhằm tận dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có và hạn chế tối thiểu các rủi ro tác động.

Rủi ro môi trường

An Giang có 97 cơ sở lưu trú du lịch, 13 công ty lữ hành, 15 địa điểm tham quan (trong đó có 02 khu du lịch cấp tỉnh Núi Cấm, 01 khu du lịch quốc gia Núi Sam và 02 điểm du lịch). Đây là những con số biết nói thể hiện du lịch ở An Giang đang được quan tâm và đầu tư phát triển. Đồng thời An Giang là nơi khai đạo của 3 tôn giáo có hơn 530 cơ sở thờ tự hợp pháp và nhiều cơ sở chưa được công nhận, đây là một trong những yếu tố góp phần phát triển ngành du lịch ở An Giang đặc biệt là du lịch văn hoá tâm linh. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, khách du lịch đến các điểm tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 5 triệu lượt khách (giảm 40% so với cùng kỳ, đạt 77% so với kế hoạch) tuy nhiên việc đón tiếp một lượng khách du lịch lớn như vậy sẽ làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, việc ý thức giữ vệ sinh chung của một số bộ phận khách du lịch chưa cao, sẽ tác động trực tiếp đến môi trường du lịch, làm cho mục tiêu xây dựng môi trường du lịch Xanh - Sạch - Đẹp gặp nhiều khó khăn. Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường tại An Giang nói chung và Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang nói riêng.

Vì vậy với một doanh nghiệp môi trường đô thị, AGE thường xuyên bảo dưỡng máy móc, vệ sinh trang thiết bị đồng thời thực hiện các biện pháp tiên tiến để tăng sức chứa cho bãi rác tại địa phương nhằm tối đa hoá công suất hoạt động. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề phân loại rác thải tại nguồn nên thường xuyên cùng cán bộ ban ngành địa phương tuyên truyền cho người dân về công tác phân loại rác thải, chấm dứt vấn nạn vứt rác trực tiếp xuống kênh rạch, thực hiện công tác vệ sinh đô thị để xây dựng tỉnh An Giang ngày càng giàu đẹp, văn minh tạo không khí trong lành cho người dân An Giang và du khách tham quan

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		% Năm 2020/ Năm 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu xây dựng	1.273	0,65%	317	0,12%	24,90%
2	Doanh thu dịch vụ công ích	162.907	83,54%	243.085	93,05%	149,22%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.838	15,81%	17.851	6,83%	57,89%
	Tổng cộng	**195.018**	**100,00%**	**261.253**	**100,00%**	**133,96%**

Kể từ khi trở thành công ty đại chúng vào năm 2019 đến nay. Công ty đã dần hoàn thiện mô hình bao gồm đầy đủ các chức năng và hoàn toàn thực hiện tốt việc chuyên môn hoá trên các lĩnh vực kinh doanh từ xây dựng, dịch vụ công ích đến cung cấp các dịch vụ khác. Năm 2020 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng khả quan; cụ thể, tổng doanh thu ghi nhận 261.253 triệu đồng, tăng 34% so với năm 2019. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ công ích đạt 243.085 triệu đồng, tăng 49,22% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 93,05% trong cơ cấu doanh thu thuần của doanh nghiệp.

Ở chiều hướng ngược lại, doanh thu xây dựng và doanh thu cung cấp dịch vụ sụt giảm, lần lượt ghi nhận 317 triệu đồng và 17.851 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2020, nhưng do chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu thuần nên không ảnh hưởng đáng kể tới kết quả doanh thu thuần của doanh nghiệp.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện UNBD	Số Cổ phần cá nhân	Tỷ lệ Vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	9.930.600	2.400	49,93%
2	Ông Trần Minh Tâm	Thành viên HĐQT điều hành	5.646.822	2.300	28,40%
3	Ông Đặng Anh Dũng	Thành viên HĐQT điều hành	1.947.180	3.000	9,80%
4	Ông Đỗ Văn Lạc	Thành viên HĐQT không điều hành	-	1.600	0,01%
5	Ông Trần Hữu Bình	Thành viên HĐQT không điều hành	-	1.200	0,01%

Lý lịch Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT

- **Nơi sinh**: An Giang - **Ngày sinh**: 02/11/1965 - **Quốc tịch**: Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn**: Đại học Cầu Đường

- **Quá trình công tác**:

1985 - 1989: Công nhân Xí nghiệp Cơ khí An Giang
1990 - 1993: Hạt trưởng Hạt giao thông Long Xuyên
04/1993 - 09/1995: Nhân viên tại Đoạn Quản lý thủy bộ - Sở Giao thông vận tải An Giang
10/1995 - 12/1998: TT. Tổ kế hoạch Ban Điều hành Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
1999 - 03/2002: Phó trưởng phòng Phòng Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
04/2002 - 04/2003: Phó trưởng phòng Phòng Phát triển đô thị Long Xuyên
05/2003 - 09/2004: Phó giám đốc Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
10/2004 -12/2011: Trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
01/2012 - 02/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
03/2017 - 09/2018: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
10/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu**: 9.933.018 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,93%VĐL
Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 9.930.618 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,92%VĐL

Ông Trần Minh Tâm - Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

- **Nơi sinh**: An Giang - **Ngày sinh**: 03/06/1973 - Quốc tịch: Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn**: Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính Quyền Nhà nước

- **Quá trình công tác**:

10/1992 - 08/1994: Cán bộ Văn phòng - PBT Đoàn TNCSHCM tại UBND xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
08/1994 - 09/1996: Cán sự Phòng Tổ chức chính quyền huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
09/1996 - 11/2001: Cán sự Ban Tổ chức chính quyền tỉnh An Giang
11/2001 - 09/2004: Cán sự - Phụ trách P.TCHC Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
10/2004 - 12/2008: Chuyên viên - Phụ trách P.TCHC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
07/2009 - 11/2011: Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
11/2011 - 02/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
02/2017 - 09/2018: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
10/2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu**: 5.649.122 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,40% VĐL
- **Sở hữu cá nhân**: : 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 5.646.822 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,38% VĐL
Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Ông Đặng Anh Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

- **Nơi sinh**: An Giang - **Ngày sinh**: 02/12/1964 - Quốc tịch: Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư lâm nghiệp

- **Quá trình công tác**:

11/1987 - 12/1999: Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Ban Công trình công cộng Thị xã Long Xuyên
01/2000 - 12/2000: Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
01/2001 - 10/2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
10/2004 - 12/2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ban Công trình đô thị Long Xuyên
01/2005 - 12/2011: Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
01/2012 - 02/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
03/2017 - 09/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
10/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu**: 1.950.180 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,80% VĐL;
Sở hữu cá nhân: : 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 1.947.180 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,78% VĐL

Lý lịch Thành viên Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Ông Đỗ Văn Lạc - Thành viên HĐQT

- **Nơi sinh**: An Giang - **Ngày sinh**: 09/04/1976 - **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn**: Cử nhân Công nghiệp Nông thôn, Cử nhân Lý luận chính trị

- **Quá trình công tác**:

02/1998 - 01/2004	Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc	Công nhân sửa điện
01/2004 - 03/2006	Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc	Đội phó giám sát kỹ thuật
04/2006 - 12/2015	Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc	Phó ban kiêm Phó bí thư chi bộ
12/2015 - 06/2018	Xí nghiệp môi trường đô thị Châu Đốc	Phó Giám đốc, Phó bí thư Chi bộ
06/2018 - 10/2018	Xí nghiệp môi trường đô thị Châu Đốc	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ
10/2018 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Môi trường đô thị An Giang, Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	

- **Số lượng cổ phần sở hữu**: 1.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL;
Sở hữu cá nhân: : 1.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐ
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Ông Trần Hữu Bình - Thành viên HĐQT

- **Nơi sinh**: An Giang - **Ngày sinh:** 17/03/1980 - Quốc tịch: Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Công nghệ môi trường

- **Quá trình công tác:**
2005: Chuyên viên Ban Công trình đô thị Long Xuyên
2006: Chuyên viên Ủy viên Ban chấp hành Chi đoànBan Công trình đô thị Long Xuyên
2007: Chuyên viên Phó Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
2008 - 2011: Phó Đội trưởng Đội vệ sinh; Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
2012: Phó trưởng Phòng Kế hoạch kiêm Phó Chủ tịch Công đoàn CTy TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
2013 - 2015: Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
2016 - 09/2018: Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn; Chi ủy viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
10/2018 - nay: Trưởng phòng kế hoạch - vật tư; Chi ủy viên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
Sở hữu cá nhân: : 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thanh Hương	Trưởng BKS	3.400	0,017%
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Kiểm soát viên	0	0%
4	Trần Đình Thư	Kiểm soát viên	0	0%

Lý lịch Kiểm soát viên

Bà Trần Thị Thanh Hương - Trưởng BKS

- **Nơi sinh:** Thanh Hóa
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Ngày sinh:** 27/09/1965
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp

- **Quá trình công tác:**

09/1983 - 12/1983: NV thu lệ phí vệ sinh Ban Công trình công cộng thị xã Long Xuyên
01/1984 - 04/2003: Kế toán Ban Công trình công cộng thị xã Long Xuyên
05/2003 - 09/2004: Kế toán Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
10/2004 - 12/2010: Kế toán Ban Công trình đô thị Long Xuyên
01/2011 - 11/2011: Kế toán trưởng Ban Công trình đô thị Long Xuyên
12/2011 - 09/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
10/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 3.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% VĐL;
Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm soát viên

- **Nơi sinh:** An Giang
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Ngày sinh:** 03/03/1992
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kế toán

- **Quá trình công tác:**

01/01/2016 - 30/09/2018: Nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
01/10/2018 - 30/05/2020: Nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang
01/06/2020 - nay: Nhân viên Phòng Kế hoạch - Vật tư Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 1.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005% VĐL;
Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005% VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Ông Trần Đình Thư - Kiểm soát viên

- **Nơi sinh:** An Giang
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Ngày sinh:** 05/12/1963
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó trưởng phòng Sở tài chính An Giang

- **Quá trình công tác:**

1986 - 1990: Tổ trưởng NS Phòng Tài chính huyện Tri Tôn, An Giang
1990 - 1995: Đội trưởng Chi cục thuế huyện Tri Tôn, An Giang
1995 -1999: Chuyên viên Cục quản lý vốn & Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp An Giang
1999 - 2011: Chuyên viên Sở tài chính An Giang
2011 - nay: Phó Trưởng phòng Sở tài chính An Giang
10/2018 - nay: Kiểm soát viên CTCP Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 0 cổ phần

Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	SL CP đại diện UBND Tỉnh	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	5.841.500	2.300	28,40%
2	Ông Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.699.700	3.000	9,80%
3	Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	1.947.180	-	9,78%
4	Bà Võ Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng	0	1.000	0,005%

Bà Đinh Thị Ngọc Nga - Phó Tổng Giám đốc

- **Ngày sinh** : 15/08/1976
- **Nơi sinh** : An Giang
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

- **Quá trình công tác**

11/2000 - 08/2004: Chuyên viên Công ty Điện nước An Giang
09/2004 - 08/2006: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang
08/2006 - 06/2008: Kế toán Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang
10/2008 - 06/2009: Kế toán tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
06/2009 - 07/2011: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
07/2011 - 02/2012: Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
02/2012 - 12/2013: Kiểm soát viên kiêm trưởng bộ phận Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN An Giang
12/2013 - 06/2017: Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
06/2017 - 04/2018: Trưởng bộ phận Hỗ trợ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
04/2018 - 06/2019: Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang
06/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Môi trường Đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL

Sở hữu cá nhân: : 0 cổ phần
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 1.947.180 cổ phần, chiếm 9,78% VĐL

Lý lịch Thành viên Ban điều hành

Ông Trần Minh Tâm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Xem hồ sơ lý lịch ở trang 26

Ông Đặng Anh Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Xem hồ sơ lý lịch ở trang 26

Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kế toán trưởng

- **Ngày sinh** : 08/12/1983
- **Nơi sinh** : An Giang
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

- **Quá trình công tác**

05/2007 - 11/2011: NV P.TC-HC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
12/2011 - 11/2016: Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
12/2017 - 09/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
10/2018 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

- **Số lượng cổ phần sở hữu:** 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005%VĐL

Sở hữu cá nhân: : 1.000 cổ phần, chiếm 0,005% VĐL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ
I	**Theo trình độ**	**874**	**100%**
1	Trình độ đại học,trên đại học	103	11,78%
2	Trình độ cao đẳng	10	1,14%
3	Trình độ trung cấp	37	4,23%
4	Công nhân kỹ thuật	121	13,84%
5	Lao động phổ thông	603	68,99%
6	Trình độ đại học,trên đại học	103	11,78%
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**874**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	698	79,86%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	16	1,83%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	160	18,31%
III	**Theo giới tính**	**874**	**100%**
1	Nam	773	88,44%
2	Nữ	101	11,56%

Thu nhập bình quân

	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	647	680	787	810
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.787.000	9.412.000	9.674.832	11.214.000

Biểu đồ số lượng người lao động và thu nhập bình quân

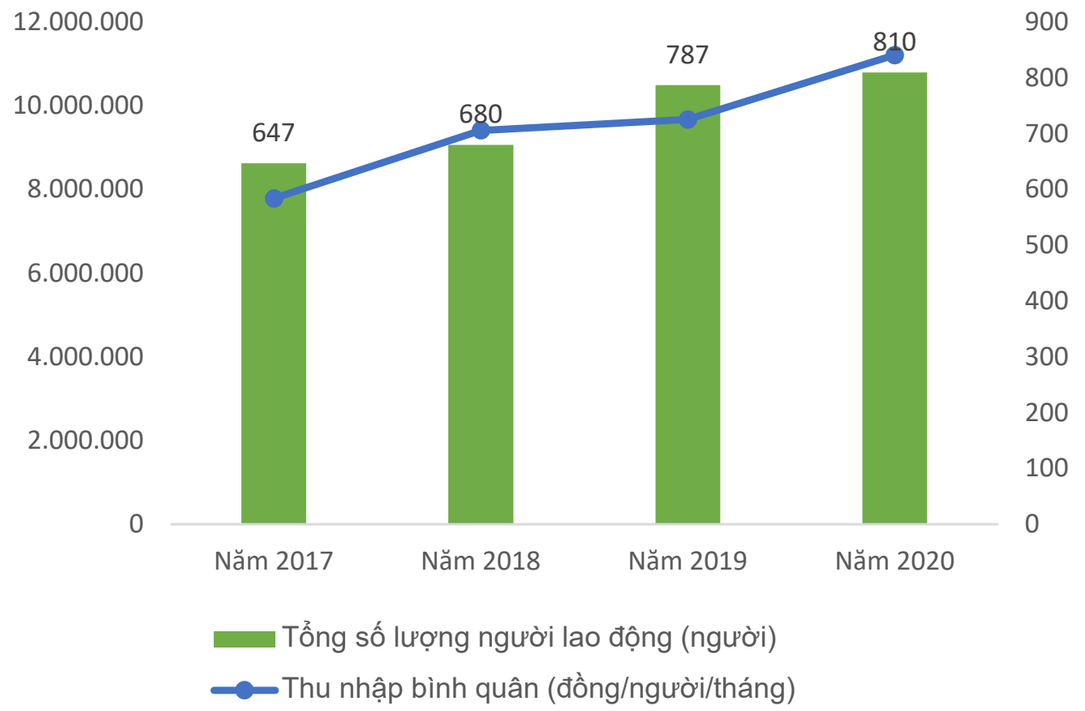

Chính sách nhân sự

Con người là yếu tố quan trọng và chi phối lớn nhất trong toàn bộ quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy để doanh nghiệp ngày càng phát triển và đi lên, Công ty đã quan tâm đến việc ban hành các chính sách liên quan đến nhân sự và các chương trình an sinh xã hội nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên hoạt động và làm việc. Ở Công ty Cổ phần môi trường đô thị An Giang, nhằm giúp cho người lao động có cơ hội khai phá và phát triển bản thân nên Công ty luôn tạo môi trường lao động an toàn, công bằng, văn minh cho nhân vvvieen.

Môi trường công việc và phúc lợi

Nguồn nhân lực được Công ty đặt vào vị trí trung tâm hàng đầu trong mọi hoạt động, đặc biệt là nhân sự của khối lao động trực tiếp. Do đó, Công ty luôn không ngừng cải thiện các chính sách lương thưởng, phúc lợi như: xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Mỗi cá nhân sẽ được nhận một khoản lương, thưởng khác nhau phụ thuộc vào khối lượng công việc và mức độ hoàn thành công việc đó. Ngoài ra Công ty còn đưa ra các chính sách về nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép,... Người lao động được Công ty quan tâm trên cả phương diện tài chính và tinh thần. Thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt nhân viên và tạo điều kiện cho CB.CNV tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao nhằm giải toả căng thẳng làm việc và đồng thời đều đặn tổ chức các chuyến du lịch, tham quan để tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của tập thể Công ty.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng trưởng doanh số và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm qua AGE đã tiến hành thu hút người lao động có năng lực và kinh nghiệm vào làm việc. Ngoài có năng lực, kinh nghiệm AGE còn yêu cầu thêm 1 số tiêu chí như về sức khoẻ, kỹ năng phù hợp,...

Để đội ngũ nhân sự làm việc hiệu quả và chất lượng. Ban lãnh đạo Công ty liên tiếp tổ chức có hoạt động training và nâng cao kĩ năng cho nhân viên cũ, tập huấn các công việc mới theo quy trình của công ty cho nhân viên mới. Đồng thời đẩy mạnh các chương trình về bồi dưỡng nghiệp vụ cho toàn bộ người lao động. Qua đó giúp nhân viên ngày càng hoàn thiện bản thân và nâng cao trình độ chuyên môn.

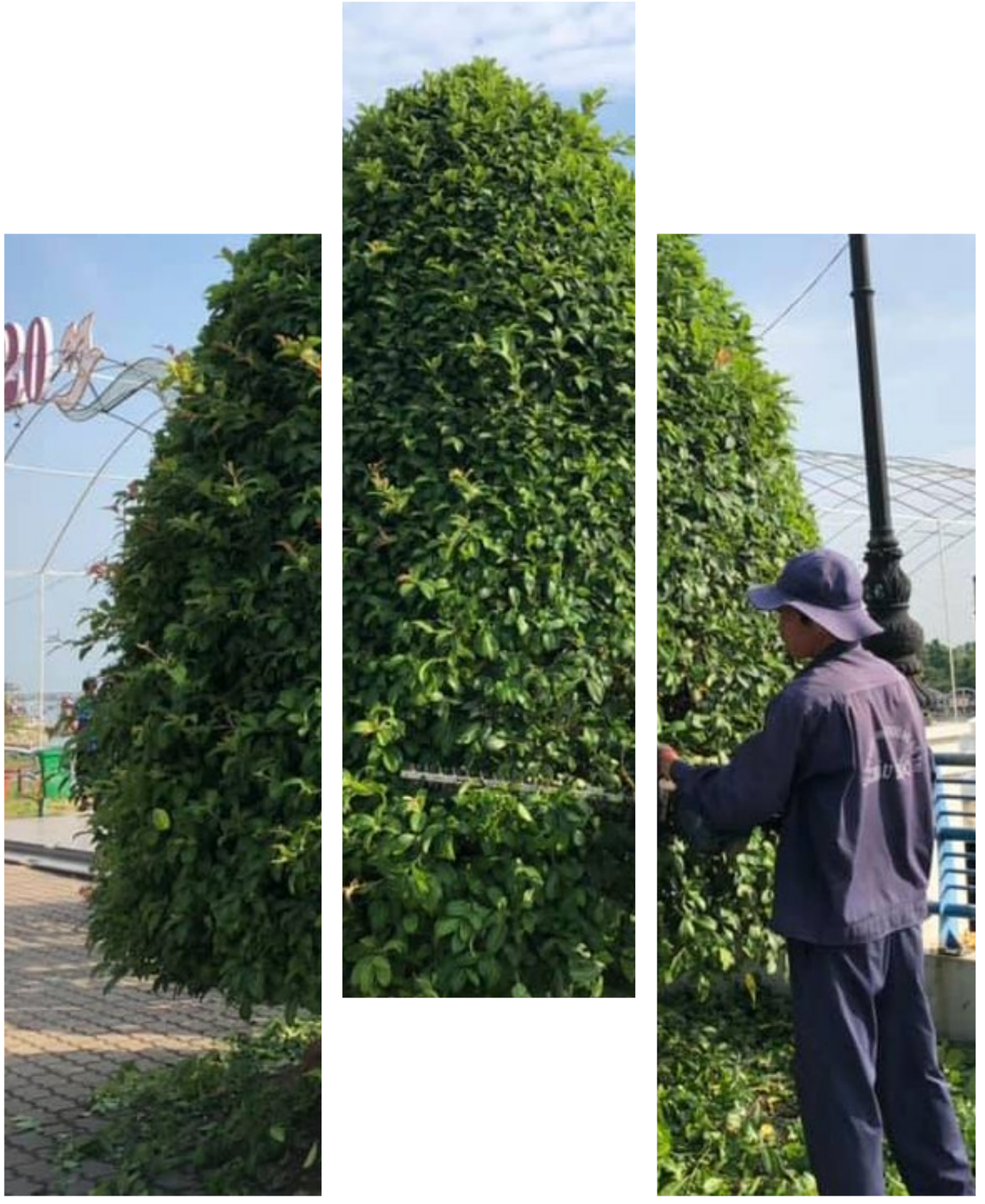

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	195.018	260.751	133,71%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	17.349	20.961	120,82%
3	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	85,86	(95,13)	(110,79%)
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.434	20.865	119,68%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.075	16.751	111,12%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,57	1,72
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,01	1,5
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,29	22,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,01	28,88
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,43	11,01
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,62	0,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,73	6,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,82	5,94
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,83	4,92
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,9	8,04

Có kinh nghiệm điều hành theo mô hình Công ty cổ phần so với năm đầu tiên chuyển hình thức, Ban Lãnh đạo công ty đã có những quyết định đúng đắn trong công tác điều hành và quản trị. Mọi hoạt động của Công ty dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và dưới sự kiểm soát của Ban Kiểm soát Công ty đã từng bước đạt được những kết quả đáng mừng trong thời kì nền kinh tế ảm đạm vừa qua. Doanh thu thuần tăng 55.462 triệu đồng so với năm 2019 và vượt 4,10% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế tăng 3.431 triệu đồng, vượt 12,78% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra từ đầu năm. Đây là một bước ngoặt lớn cho Công ty và là kết quả của toàn thể người lao động và Ban Lãnh đạo đã đoàn kết thực hiện được trong giai đoạn dịch Covid-19 chưa được kiểm soát hoàn toàn

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của AGE trong năm 2020 có nhiều biến động so với 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,57 xuống 1,72 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 2,01 xuống 1,5 lần. Nguyên nhân chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng nhiều hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty. Trong đó, khoản mục có sự thay đổi nhiều nhất là mục chi phí phải trả ngắn hạn, tăng 14,68 tỷ đồng so với năm 2019. Đây là khoản chi phí xử lý nước thải khu liên hợp Châu Thành sau đóng cửa. Các chi phí có mức biến động tương ứng bao gồm khoản phải người bán ngắn hạn tăng gần 14 tỷ đồng, khoản phải trả người lao động tăng 2,57 tỷ đồng do tổng số lao động tại Công ty tăng 65 người so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận 810 người lao động tại thời điểm cuối năm 2020.

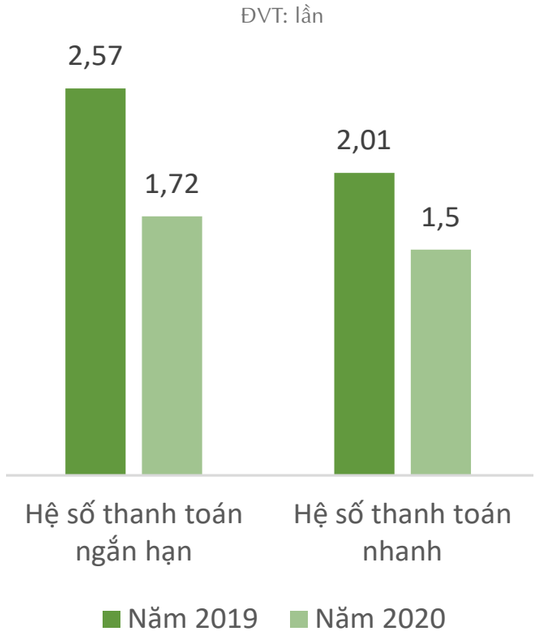

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 là 11,01 vòng, tăng 2,58 vòng so với năm 2019. Do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên hàng tồn kho chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tăng trưởng tốt làm tăng giá vốn hàng bán, dẫn đến việc gia tăng vòng quay hàng tồn kho.

Vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm đã có sự cải thiện khi tăng lên mức 1,13 so với mức 1,05 của năm trước. Điều này cho thấy Công ty đã hiệu quả hơn trong việc sử dụng tài sản tạo ra doanh thu.

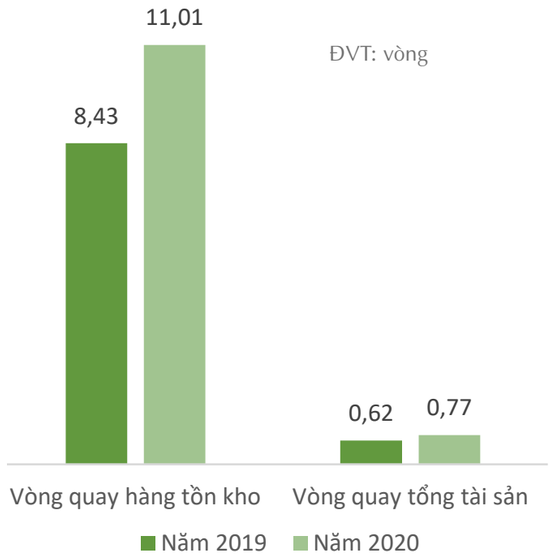

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ số về Khả năng sinh lợi của Công ty trong năm 2020 có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2019 do doanh thu thuần tăng 33,71% và lợi nhuận sau thuế tăng 11,12%. Trong đó, ROE và ROA tăng lần lượt ở mức 5,94% và 4,92%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, ở chiều hướng ngược lại, giảm từ 7,73% năm 2019 xuống 6,42% năm 2020 do chi phí thuế tăng 1,74 lần và sự sụt giảm doanh thu ở mảng kinh doanh cung cấp dịch vụ, doanh thu xây dựng do cạnh tranh ngành gay gắt khiến cho lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng. Tổng thể, Công ty vẫn duy trì được tỷ suất sinh lời bám sát theo kế hoạch kinh doanh đề ra.

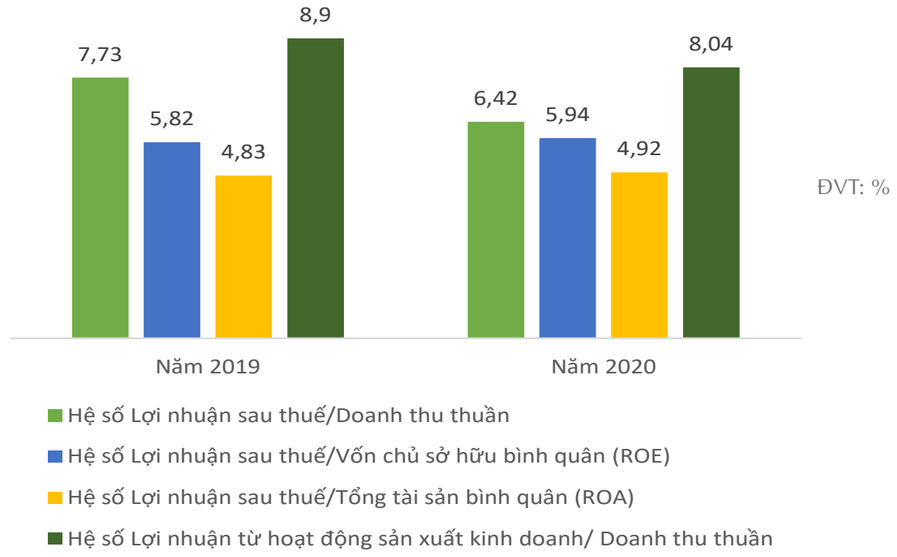

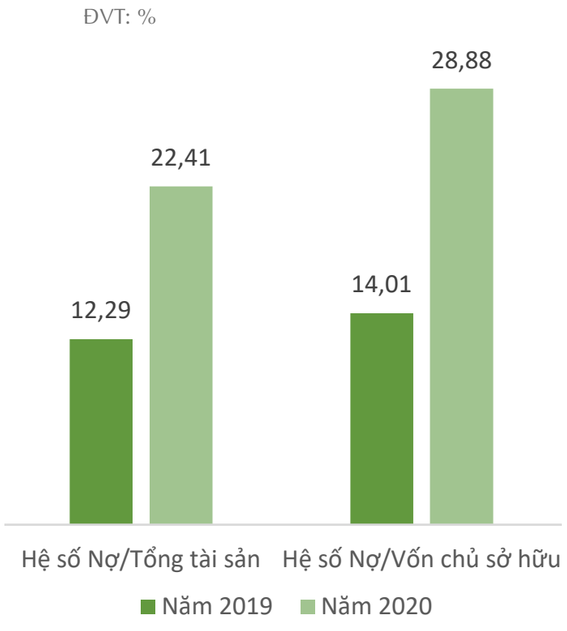

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty có sự thay đổi lớn trong năm 2020. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng lần lượt từ 12,29% lên 22,41% và 14,01% lên 28,88% so với năm 2019. Tuy nhiên, cả hai hệ số trên vẫn còn khá thấp và được đánh giá là an toàn so với các doanh nghiệp cùng ngành vì phần lớn tài sản Công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu. Mặc dù trong năm AGE có gia tăng nợ phải trả nhưng con số này không đáng kể và doanh nghiệp hoàn toàn có khả năng thanh toán vì vậy không có rủi ro tài chính xuất hiện.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Nhìn chung trong năm 2020, Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã hoàn thành các dự án nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng dân cư tại các địa phương như:

* Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn (công suất 50 tấn/ngày,đêm)
* Dự án cải tạo hố chôn lấp hợp vệ sinh ô số 1 phủ đỉnh và hệ thống xử lý nước rỉ rác 50 m3/ngày.đêm tại bãi rác Kênh 10 - Châu Đốc.
* Xây dựng trụ sở làm việc Chợ Mới và Tịnh Biên.
* Nâng cấp, sửa chữa nhà để xe chuyên dùng của Công ty.
* Nâng cấp và cải tạo một số hạng mục công trình tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên như mái cho nhà để xe, cầu rửa xe chuyên dùng, thi công đường vào hố chôn lấp ô số 1 đến khu xử lý nước thải.
* Đầu tư trang bị thêm các phương tiện, công cụ dụng cụ như trên 600 thùng rác, 16 xe chở rác chuyên dùng, 01 xe cẩu, 02 xe đào, 01 máy nén khí, 01 xe 7 chỗ.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 19.893.000cổ phiếu

» Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 19.893.000 cổ phiếu

» Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**19.892.900**	**198.929.000.000**	**100,00%**
1	Cổ đông nhà nước	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	19.471.800	194.718.000.000	97,88%
3	Cổ đông cá nhân	421.100	4.211.000.000	2,12%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**100**	**1.000.000**	**0,00%**
1	Cá nhân	-	-	0,00%
2	Tổ chức	100	1.000.000	0,00%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**0,00%**
	Tổng cộng	19.893.000	198.930.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, với sứ mạng bảo vệ cuộc sống xanh cho người dân. Hơn bất cứ doanh nghiệp nào, Công ty hiểu rõ được tầm quan trọng của môi trường đến cộng đồng vì vậy Ban Điều hành của Công ty đã chủ động thực hiện các chính sách thiết thực để góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, toàn thể nhân viên công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất.

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Ở AGE, chiếm tỷ trọng cao nhất chính là phương tiện vận tải, nhà cửa, vật kiến trúc, ngoài ra còn có các vật tư phục vụ cho việc sửa chữa xe chuyên dùng, vật tư thiết bị điện,... Công ty chủ yếu sử dụng các sản phẩm trong nước, tuy nhiên do đặc tính chất công việc hay thực hiện ở môi trường ngoài trời nên thiết bị dễ hư hỏng và tốn kém. Để quản lý nguồn lực hiệu quả, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên và toàn thể người lao động sử dụng trang thiết bị một cách cẩn thận và hiệu quả. Đóng góp các ý kiến nhằm tái sử dụng các nguyên vật liệu sử dụng nhằm giảm chi phí và giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường.

- Tiêu thụ nước

Trong năm qua, để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước. Công ty đã thường xuyên nhắc nhở CB - NV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Các nhân viên đảm nhiệm việc tưới tiêu cho cây xanh được Ban Lãnh đạo nhắc nhở kĩ càng trong quá trình làm việc. Tránh tình trạng tưới lượng nước quá nhiều gây lãng phí.

- Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năm lượng luôn là vấn đề được quan tâm không chỉ tại AGE mà tất cả các doanh nghiệp cả nước. Sử dụng năng lượng hợp lý không những tiết kiệm được chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Hiện nay Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng điện, gas, xăng, dầu và nhớt để phục vụ cho việc vận chuyển và xử lý rác thải. Các doanh nghiệp nước ta đang được nhà nước khuyến khích chuyển đổi sang một nguồn năng lượng mới để thay thế vì việc sử dụng các nguồn năng lượng trên sản sinh ra nhiều khí CO2 và gây ảnh hưởng hiệu ứng nhà kính, đồng thời các nguồn năng lượng như xăng, dầu nhớt là hữu hạn và cần được tiết kiệm. Để hạn chế việc lãng phí nguồn năng lượng, AGE đang dần thiết lập chặt chẽ quy trình hoạt động, cử cán bộ vận hành theo dõi mục tiêu không để lãng phí nguồn năng lượng. Bên cạnh đó Công ty cũng nỗ lực cắt giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách triển khai các biện pháp kỹ thuật khác nhau.

- Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty luôn tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm 2020, Công ty không chịu bất cứ lần phạt nào cho việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà AGE đầu tư và triển khai. Không chỉ vậy Công ty còn tiến hành tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm 2020, Công ty không chịu bất cứ lần phạt nào cho việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chính sách liên quan đến người lao động

Các chính sách cho người lao động luôn tuân thủ đúng luật, có chế độ bồi dưỡng và trang bị dụng cụ bảo hộ đầy đủ cho người lao động làm việc trực tiếp ngoài trời. Ngoài ra, để đảm bảo sức khoẻ cho toàn thể người lao động. Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hàng năm cho toàn bộ nhân viên đồng thời Công ty ban hành các chính sách về nghỉ bệnh vẫn hưởng lương đầy đủ.

Bên cạnh đó, để nhân viên yên tâm làm việc và vui chơi lành mạnh tạo môi trường năng động, vui tươi Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, du khảo về nguồn, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cán bộ, người lao động trong Công ty. Ban Lãnh đạo luôn mong muốn việc Quản lý nhân sự được phát triển liên tục , không theo quy cũ để xây chế độ phúc lợi cho nhân viên ngày được nâng cao và phù hợp tình hình kinh tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo liên quan đến trách nhiêm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH2020	%2020/KH2020	% 2020/2019
1	Doanh thu thuần	195.018	260.751	250.480	104,10%	133,71%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	17.349	20.961	-	-	120,82%
3	Lợi nhuận khác	85,86	-95,13	-	-	-110,79%
4	Lợi nhuận trước thuế	17.434	20.865	18.500	112,78%	119,68%
5	Lợi nhuận sau thuế	15.075	16.751	-	-	111,12%
6	Tỉ lệ cổ tức	2%	-	2%		100%

> Doanh thu thuần đạt được
> **260.751** Triệu đồng
> tăng **33,71%** so với năm 2019

Năm 2020, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến chuyển không được như kỳ vọng do sự xuất hiện của đại dịch Covid-19. Các doanh nghiệp nói chung và AGE nói riêng đều phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, trong năm qua, Ban điều hành đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để giữ vững thị phần, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra và đáp ứng yêu cầu phục vụ tại các địa phương như hoàn thành các dự án...

Những thuận lợi, khó khăn trong năm 2020

Thuận lợi

- Đội ngũ lãnh đạo có tâm với nghề. Nỗ lực làm việc và giải quyết các vấn đề khó khăn của Công ty. Trong thời kì Covid-19 ảnh hưởng. Đồng thời người lao động có tinh thần làm việc tốt, đoàn kết luôn sẵn sàng cùng công ty vượt qua khó khăn.
- Công ty được sự quan tâm, hỗ trợ tận tình từ lãnh đạo nhà nước từ cấp phường xã huyện huyện, Tỉnh.
- Lĩnh vực dịch vụ công ích là lĩnh vực hoạt động không cần nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào. Vì vậy, trong tình hình xuất nhập khẩu, giao thương đang bị đóng cửa như năm 2020 thì doanh nghiệp vẫn hoạt động tốt và ít chịu tác động.

Khó khăn

- Một số người dân có ý thức chưa cao trong việc bảo vệ môi trường như vứt rác không đúng nơi quy định, gom rác không đúng giờ khiến mất mỹ quan đô thị và việc thu gom rác của doanh nghiệp bị ảnh hưởng
- Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng lưu thông trên đường làm rơi vải cát đá gây mất vẻ mỹ quan đô thị cũng như ảnh hưởng đến công tác vệ sinh của Công ty.
- Một số gia đình, hộ kinh doanh,... không nộp tiền phí dịch vụ thu gom rác đúng kì vì lý do thay đổi người đi thu phí, do địa phương chưa thông báo, do họ không phát sinh lượng rác và tự xử lý,...
- Các tuyến đường trên địa bàn phường xã, thị trấn đang xuống cấp, cầu yếu gây ảnh hưởng đến quá trình thu gom rác của Công ty.
- Hệ thống thoát nước bị các hộ dân che lấp, trán bịt miệng cống cũng như bỏ rác xuống cống, hố ga,... ảnh hưởng đến công tác khai thông nạo vét bùn cống hố ga. Nắp cống, lưới chắn rác ở các hố ga bị hư gây nguy hiểm cho người đi đường và mất vẻ mỹ quan đô thị.
- Cây xanh, hoa kiểng trên công viên và các tuyến đường bị người dân chặt phá làm mất mỹ quan đô thị. Mặt khác, cây xanh trên các tuyến đường chưa đồng bộ, có nhiều loại cây khác nhau; đồng thời có một số người dân tự ý trồng cây trên tuyến đường gây khó khăn cho việc quản lý cây xanh của Công ty.
- Hệ thống đèn chiếu sáng một số tuyến đường đã cũ và xuống cấp nên việc sửa chữa cũng gặp rất nhiều khó khăn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	113.904	123.557	108,47%	31,59%	38,64%
Tài sản dài hạn	246.699	196.180	79,52%	68,41%	61,36%
Tổng tài sản	360.604	319.737	88,67%	100%	100%

Tài sản ngắn hạn

AGE là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng dân dụng nên giá trị tài sản dài hạn của Công ty thường lớn hơn so với giá trị tài sản ngắn hạn. Công ty chủ yếu tập trung đầu tư, mua sắm các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị để phục vụ cho công tác hoạt động của Công ty như xe rác, xe tải... Năm 2020, cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng 8,47% so với năm 2019, nguyên nhân trong năm Công ty gia tăng lượng tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn từ nguồn tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản dài hạn Công ty giảm 20,48% so với cùng kỳ năm trước do tài sản dở dang dài hạn giảm 67,14 tỷ đồng, tương ứng giảm 45,88% so với năm 2019.

Các yếu tố biến động trên dẫn tới tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt 319.737 triệu đồng, giảm 11,33% so với năm 2019.

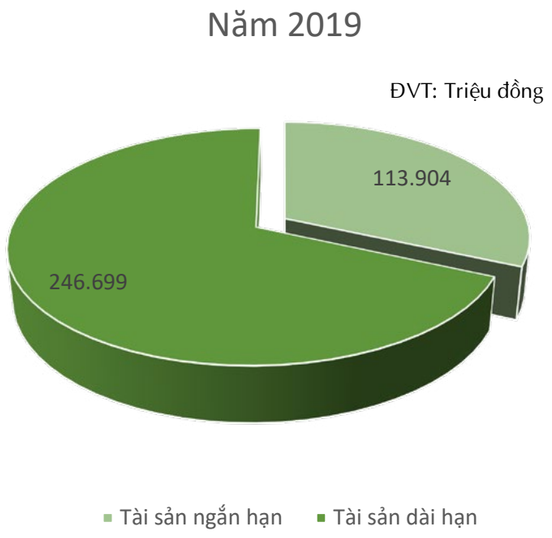

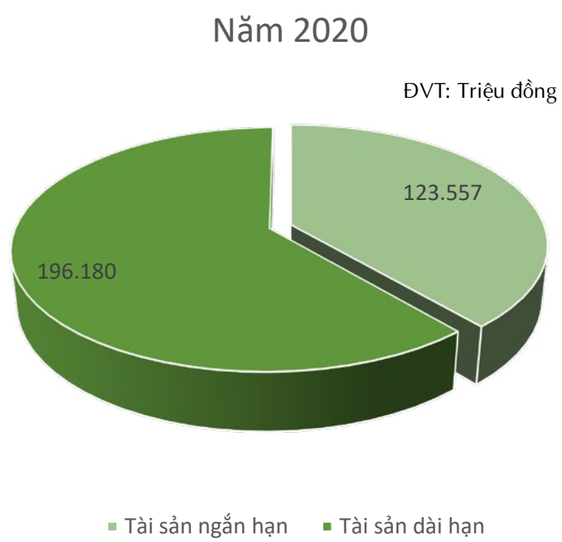

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	44.307	71.654	161,72%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	44.307	71.654	161,72%	100%	100%

Nợ ngắn hạn

Nợ phải trả của AGE tại thời điểm cuối năm 2020 là 71.654 triệu đồng, tăng 61,72% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, Công ty không hề có các khoản vay tài chính và nợ phải trả của Công ty hoàn toàn là nợ ngắn hạn. Các khoản nợ ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động, và chi phí phải trả ngắn hạn. Theo đó, chi phí phải trả ngắn hạn tăng hơn 14 tỷ đồng năm 2020, là khoản chi phí xử lý nước thải khu liên hợp Châu Thành sau đóng cửa. Phải trả người bán ngắn hạn tăng 13,87 tỷ đồng và phải trả người lao động tăng 2,57 tỷ đồng so với năm 2019.

Các yếu tố biến động trên dẫn tới tổng nợ phải trả của Công ty năm 2020 đạt 71.654 triệu đồng, tăng 61,72% so với năm 2019

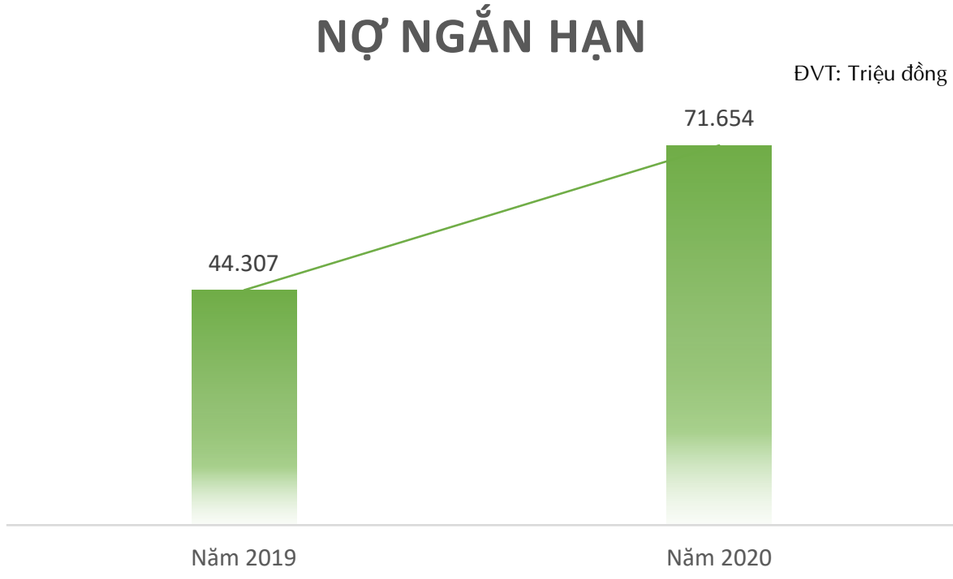

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH

> Để đạt được kết quả đúng chỉ tiêu đề ra, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có định hướng từ đầu trong chiến lược sản xuất kinh doanh, đồng thời chú trọng vào việc cải tiến hệ thống quản lý, chính sách để hoàn thiện và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

Công tác Tổ chức nhân sự

- Thực hiện tốt các chính sách chế độ, chăm lo đời sống phúc lợi cho người lao động.Duy trì thu nhập bình quân của người lao động ổn định, đáp ứng cơ bản đời sống vật chất của người lao động. Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn cho người lao động để nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và công tác điều hành để tối ưu hoá thời gian làm việc và chất lượng công việc như: Gắn giám sát hành trình cho các xe chuyên dùng và xe hầm cầu của các Xí nghiệp nhằm quản lý chặt chẽ, giám sát công việc thực hiện hàng ngày của các xe và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, đáp ứng theo yêu cầu của địa phương và người dân hay Gắn bơm tuần hoàn nước rác cho các xe chở rác chuyên dùng trên địa bàn thành phố Long Xuyên nhằm khắc phục tình trạng nước rác rơi vãi trên đường.

Công tác Tài chính

- Tối ưu hóa lợi nhuận của Công ty trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí như kiểm soát tốt các khoản chi phí và thực hiện nghiêm ngặt các tiêu hao nguyên liệu.
- Ưu tiên các khoản chi để mua sắm các trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng và đầu tư các dự án nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, mở rộng việc sản xuất, đào tạo trình độ cho các cán bộ, chi tài chính cho việc tăng cường hoạt động marketing.
- Đảm bảo thực hiện các nghiệp vụ về tài chính kế toán và thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm của Công ty theo đúng quy định pháp luật.
- Tập trung giải quyết tình hình các công nợ còn tồn đọng theo Quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả.
- Thường xuyên kiểm tra thu chi tài chính, đối chiếu nợ chặt chẽ, không để xảy ra thất thoát.

Công tác Marketing, quảng bá thương hiệu

- Nhìn chung, hiện nay công tác marketing của Công ty còn tương đối yếu, trong năm 2020 để có thể hoạt động hiệu quả hơn và đặc biệt hơn là để tạo dựng được thương hiệu của mình thì phải tăng cường hoạt động marketing nhằm ngày càng thỏa mãn khách hàng.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu, Website phải giới thiệu đầy đủ các sản phẩm dịch vụ của Công ty, luôn cập nhật thông tin mới về hoạt động của Công ty để làm công cụ quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm thông tin đa dạng cho khách hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và khách hàng nhanh chóng, thuận tiện hơn.
- Ngoài ra, quảng bá hình ảnh Công ty thông qua việc đồng hành tham gia các sự kiện, hoạt động về môi trường với các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	Đồng	270.500
2	Giá vốn bán hàng	Đồng	232.082
3	Lợi nhuận gộp	Đồng	38.418
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Đồng	20.970
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.970
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.970
7	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	2%

Ngoài ra, Công ty còn có kế hoạch thực hiện một số hoạt động kinh doanh trong năm 2021, như:

* Thực hiện ký hợp đồng dịch vụ công ích với các huyện, thị xã, thành phố theo phương thức đặt hàng.
* Thực hiện hoạt động dịch vụ liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty như thu gom, vận chuyển rác cho các Công ty, Xí nghiệp, chăm sóc mé tỉa cây xanh, xử lý cống nghẹt, rút hầm cầu, vận chuyển đồ, cho thuê nhà vệ sinh, bán thùng rác,...
* Thực hiện vận hành các khu xử lý như nhà máy xử lý CTNH, nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn, hệ thống xử lý nước thải Kênh 10 - Châu Đốc, hố chôn lấp rác hợp vệ sinh Khu liên hợp xử lý CTR cụm Long Xuyên và Khu xử lý rác Phú Thạnh.
* Thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện Thoại Sơn, huyện Tri Tôn, huyện Chợ Mới, thành phố Long Xuyên và Châu Đốc.

Kế hoạch đầu tư dự án

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

* Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Chợ Mới (công suất 100 tấn/ngày).
* Đầu tư dự án hố chôn lấp rác hợp vệ sinh giai đoạn 2 - Khu liên hợp xử lý CTR cụm Long Xuyên, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành.
* Di dời Nhà máy xử lý CTNH thành phố Long Xuyên về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.
* Thực hiện đầu tư trụ sở Xí nghiệp Phú Tân, Châu Thành, Châu Phú.
* Thực hiện đầu tư trang thiết bị xe chuyên dùng cho các Xí nghiệp.

Biện pháp triển khai thực hiện

Về bộ máy tổ chức:

* Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp bố trí lao động, cán bộ quản lý phù hợp hơn.
* Sắp xếp lại các bộ phận gián tiếp khoa học và hợp lý hơn; tập huấn kiến thức quản lý hiện đại, bồi dưỡng nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Giải pháp về quản lý và điều hành

* Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc các tổ, Đội, Phòng, Xí nghiệp thực hiện tốt các công việc được giao hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
* Chủ động phối hợp các phòng ban tham mưu của các sở, ban, ngành và các đơn vị tư vấn thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục, hồ sơ nhằm hoàn thành tốt công tác lập, trình duyệt các dự án đầu tư, thi công các công trình trọng điểm của Công ty đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra.
* Theo dõi đôn đốc thực hiện tốt kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa xe, máy móc thiết bị, quản lý sử dụng vật tư, nhiên liệu khoa học, hợp lý, tiết kiệm hơn, thực hiện đúng theo những quy định, thủ tục về công tác quản lý, sửa chữa xe máy, sử dụng vật tư, nhiên liệu,... đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất.

Giải pháp về sản xuất

* Công ty tập trung đầu tư, phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ công ích trên các lĩnh vực quét, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; Quản lý khai thông hệ thống nước thải; Quản lý và chăm sóc công viên, cây xanh đường phố; Quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng và các hoạt động dịch vụ liên quan ngành nghề chính nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, đảm bảo môi trường trên địa bàn tỉnh luôn được "Sáng - xanh - sạch - đẹp".
* Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty được UBND tỉnh giao nhằm tạo việc làm, thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động của Công ty.
* Mở rộng các lĩnh vực, ngành nghề trong giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp nhu cầu thị trường,...

Về nghiên cứu và phát triển

* Chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án thực hiện và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
* Tuyển dụng và đào tạo nhân viên đảm bảo công tác nghiên cứu để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng trong thời buổi cạnh tranh gay gắt không chỉ giữa các doanh nghiệp môi trường trong tỉnh mà còn có cả sự cạnh tranh của những công ty ngoài tỉnh, nhất là trong giai đoạn Nhà nước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường như hiện nay.
* Tổ chức bộ phận chuyên cung cấp thông tin cho Công ty nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, mặc dù có sự xuất hiện của dịch Covid-19 tuy nhiên về cơ bản Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn như đạt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực như vệ sinh môi trường, thoát nước đô thị, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng đảm bảo cảnh quan môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh luôn được sáng - xanh - sạch - đẹp.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty năm 2020 được duy trì ổn định. Công tác quản lý tài chính được kiểm soát tốt và thực hiện theo đúng pháp luật. Công ty đã trang bị thêm xe chuyên dùng để đảm bảo công tác chuyên môn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo nhân sự phù hợp với hoạt động của Công ty, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc. Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã điều hành tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, luôn chủ động đưa ra các giải pháp để tiết kiệm chi phí hiệu quả, phù hợp với luật Doanh nghiệp và Điều lệ Cty. Nhìn chung, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Kết quả hoạt động giám sát

Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các công việc kiểm tra giám sát, qua đó đưa ra các đánh giá như sau:

- Hoạt động của Công ty trong năm 2020 được duy trì ổn định. Công tác quản lý tài chính được kiểm soát tốt và thực hiện đúng theo pháp luật. Công ty đã trang bị thêm xe chuyên dùng để đảm bảo công tác chuyên môn.
- Hội đồng quản trị luôn kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ. Hội đồng quản trị còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và đã hoàn thành và vượt kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Công tác vệ sinh môi trường

* Nâng cao chất lượng công tác thu gom, vận chuyển rác đến bãi rác chính đảm bảo không để tồn đọng.
* Theo dõi, kiểm tra điều chỉnh lại các tuyến đường vận hành thu gom của các xe chở rác cho phù hợp với thực tế.
* Phối hợp với các UBND huyện thị thành mở rộng địa bàn thu gom rác nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom rác trên địa bàn, đặc biệt là các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục tiếp nhận công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (rác tự quản) các phường, xã trên địa bàn thành phố Long Xuyên.
* Từng bước xóa các điểm trung chuyển rác tại các huyện, thị xã, thành phố trên toàn địa bàn tỉnh.
* Tăng cường công tác rửa đường, rửa bãi trung chuyển và các thùng rác.
* Tăng cường san ủi và phun chế phẩm khử nùi, thuốc diệt ruồi các bãi rác và khu xử lý.

Các mặt hoạt động khác

* Tập trung các mặt công tác phục vụ ngày lễ lớn trong năm.
* Tập trung kiểm tra bảo quản, sửa chữa phương tiện xe chuyên dùng.
* Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của các bộ phận chuyên môn.
* Rà soát hồ sơ tuyển dụng cho các Tổ, Đội, Xí nghiệp.
* Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19.
* Tiếp tục triển khai thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, thị, thành.

Công tác quản lý chăm sóc công viên, cây xanh

* Thực hiện việc trồng hoa trên các công viên để tăng thêm màu sắc và thẩm mỹ cho đô thị.
* Khảo sát, cải tạo trồng mới cây xanh ở các tuyến đường đồng thời nghiên cứu thay thế các loại cây xanh không còn phù hợp ở một số tuyến đường và nơi công cộng.
* Thực hiện công tác mé cây tránh đổ ngã trong mùa mưa bão đồng thời khống chế chiều cao cây không ảnh hưởng lưới điện.
* Nghiên cứu lắp đặt hệ thống tưới nước tự động trên công viên nhằm nâng cao hiệu quả làm việc cũng như tạo vẻ mỹ quan đô thị.

Công tác quản lý hệ thống chiếu sáng

* Thường xuyên kiểm tra và điều chỉnh thời gian đóng cắt điện phù hợp với thời tiết theo từng mùa. Tiếp tục thực hiện kiểm tra an toàn điện trên các thiết bị điện và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên.
* Kiểm tra, kịp thời sửa chữa thay thế đèn bị hư đảm bảo ánh sáng phục vụ nhân dân cũng như điều tiết những nơi có ánh sáng thừa, thiếu.
* Khảo sát, cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng theo tiêu chí đảm bảo ánh sáng và tiết kiệm điện năng.

Công tác quản lý hệ thống thoát nước

* Tiếp tục thực hiện công tác chuyên môn như vét cát lề đường, vét miệng hố ga, thông lòng cống, các miệng xả và thu gom xà bần,... đảm bảo nước thoát tốt, không bị ứ đọng trên mặt đường khi trời mưa. Đặc biệt nạo vét hệ thống mương nổi các tuyến đường hẻm trên địa bàn thành phố Long Xuyên.
* Kiểm tra thống kê đổ dal dự phòng và lưới chắn rác bị hư hỏng nhằm thay thế kịp thời để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn cho người đi đường.

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp trong năm	Lý do vắng mặt
1	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
2	Ông Trần Minh Tâm	Thành viên HĐQT	10/10	100%
3	Ông Đặng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	10/10	100%
4	Ông Đỗ Văn Lạc	Thành viên HĐQT	10/10	100%
5	Ông Trần Hữu Bình	Thành viên HĐQT	10/10	100%

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	18/02/2020	Công tác nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường đô thị Phú Tân.
2	02/NQ-HĐQT	18/03/2020	- Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Điều chỉnh các bút toán của Kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC năm 2019. - Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 của cán bộ quản lý Công ty.
3	03/NQ-HĐQT	08/04/2020	Công tác nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường đô thị Thoại Sơn
4	04/NQ-HĐQT	07/05/2020	Công tác nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường đô thị Thoại Sơn
5	05/NQ-HĐQT	25/05/2020	Nội dung thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
6	06/NQ-HĐQT	10/07/2020	Lựa Chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty
7	07/NQ-HĐQT	19/8/2020	Nhân sự Ban Kiểm soát Công ty
8	08/NQ-HĐQT	19/10/2020	- Thông qua các quy chế - Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2020 và báo cáo về tiến độ thực hiện dự án đến ngày 30/9/2020 - Nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường đô thị Chợ Mới.
9	09/NQ-HĐQT	11/11/2020	Nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường đô thị Tri Tôn
10	10/NQ-HĐQT	08/12/2020	Nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp Môi trường Phú Tân, Tịnh Biên.

BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp trong năm	Lý do
1	Trần Thị Thanh Hương	Trưởng BKS	4/4	-
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Kiểm soát viên	2/4	Bổ nhiệm ngày 20/06/2020
3	Nguyễn Kim Hiện	Kiểm soát viên	2/4	Miễn nhiệm ngày 20/06/2020
4	Trần Đình Thư	Kiểm soát viên	4/4	-

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2020, BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Công ty đồng thời tổ chức các cuộc họp giữa các Kiểm soát viên để bàn bạc và tiến hành công việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty. Qua đó, BKS thực hiện công việc:

- Tham gia đưa ra ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty
- Thực hiện xem xét tính pháp lý, thủ tục thanh toán, hoá đơn, sổ sách, chuẩn mực kế toán đúng quy định pháp luật.Các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019 được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2020 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập. Hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Qua các công việc trên, BKS nhận thấy HĐQT và ban điều hành luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các Cổ đông giao cho, Ban Kiểm soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng các quy chế, Nghị quyết, quyết định ... đồng thời BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của AGE theo đúng Điều lệ của Công ty. BKS thực hiện đúng Quy chế hoạt động của Ban và đã phân công phân nhiệm các thành viên trong BKS tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra với tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung, dân chủ.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2020 đạt kết quả tốt.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và các quyết định, quy chế chỉ thị của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty và các Xí nghiệp để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời. Đối với cổ đông, Ban kiểm soát chưa nhận một khiếu nại nào.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thành viên	Thù lao/Thưởng	Ghi chú
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT			
1	Nguyễn Ngọc Sơn	619.831.070	
2	Trần Minh Tâm	42.000.000	
3	Đặng Anh Dũng	40.800.000	
4	Đỗ Văn Lạc	93.600.000	
5	Trần Hữu Bình	93.600.000	
DANH SÁCH KIỂM SOÁT VIÊN			
1	Trần Thị Thanh Hương	531.281.073	
2	Nguyễn Kim Hiện	45.360.000	
3	Nguyễn Thị Thu Thảo	45.360.000	
4	Trần Đình Thư	90.720.000	
DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Trần Minh Tâm	614.577.544	
2	Đặng Anh Dũng	604.855.374	
3	Đinh Thị Ngọc Nga	511.065.229	
4	Võ Thị Ngọc Nga	486.771.079	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Quản trị Công ty được AGE xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Vì vậy, AGE đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Năm 2020, AGE đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường nhưng đảm bảo phát huy được bản sắc riêng và các giá trị cốt lõi của Agimexpharm; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2020, Công ty cử thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký công ty và nhân viên kế toán tham dự lớp tuyên truyền về chứng khoán và thị trường chứng khoán " hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và giới thiệu phương thức bỏ phiếu điện tử".

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm 2020
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang, được lập ngày 26/3/2021, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CPA VIETNAM

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 trình bày vấn đề khác liên quan đến việc Công ty chưa lập hồ sơ bàn giao giữa Doanh nghiệp cổ phần và Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần. Trong năm 2020, việc lập hồ sơ nêu trên đã được thực hiện và không còn tồn tại tại ngày 31/12/2020. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc Án	**Lưu Minh Tới**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**123.556.876.347**	**113.904.410.496**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**57.129.727.763**	**41.543.173.153**
1. Tiền	111		18.629.727.763	11.543.173.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.500.000.000	30.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**20.453.160.485**	**10.433.829.517**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	20.453.160.485	10.433.829.517
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**27.561.358.402**	**36.447.799.981**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.940.424.846	30.050.172.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.551.206.269	7.947.916.111
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	840.437.471	220.421.603
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.770.710.184)	(1.770.710.184)
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**16.252.063.534**	**24.663.758.732**
1. Hàng tồn kho	141		16.252.063.534	24.663.758.732
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.160.566.163**	**815.849.113**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.158.762.970	815.849.113
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.803.193	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**196.180.092.669**	**246.699.124.977**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**216.265.000**	**318.010.585**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	216.265.000	318.010.585
II Tài sản cố định	**220**		**125.614.382.993**	**116.095.683.552**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	111.436.217.131	101.921.408.804
- *Nguyên giá*	*222*		*188.266.403.033*	*164.779.359.396*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(76.830.185.902)*	*(62.857.950.592)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.178.165.862	14.174.274.748
- *Nguyên giá*	*228*		*14.408.996.234*	*14.323.996.234*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(230.830.372)*	*(149.721.486)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**66.215.810.706**	**122.363.594.191**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	66.215.810.706	122.363.594.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**200.000.000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.933.633.970**	**7.921.836.649**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.933.633.970	7.921.836.649
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**319.736.969.016**	**360.603.535.473**

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	**300**		**71.654.472.602**	**44.307.159.049**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**71.654.472.602**	**44.307.159.049**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	13.894.019.580	28.801.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107.100.000	7.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.302.535.136	638.211.358
4. Phải trả người lao động	314		26.049.927.343	23.484.127.294
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	14.686.296.964	6.181.773
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	-	35.023.547
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.842.049.012	8.318.221.422
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.772.544.567	11.789.091.825
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**248.082.496.414**	**316.296.376.424**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.16**	**248.082.496.414**	**316.296.376.424**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*198.930.000.000*	*198.930.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.562.762.842	1.887.707.802
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	679.035.749
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	*421a*		-	*679.035.749*
- LNST chưa phân phối kì này	*421b*		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		45.589.733.572	114.799.632.873
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**319.736.969.016**	**360.603.535.473**

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thúy	Võ Thị Ngọc Bích	Trần Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
M.S.D.N: 1601604... T.P LONG XUYÊN-T.AN GIANG

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	261.252.520.375	195.017.740.957
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		501.462.961	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	260.751.057.414	195.017.740.957
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	225.212.534.798	163.493.642.366
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**35.538.522.616**	**31.524.098.591**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.492.431.886	1.970.902.676
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	17.070.394.337	16.146.140.177
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**20.960.560.165**	**17.348.861.090**
11.	Thu nhập khác	31	5.21	179.238.492	152.460.784
12.	Chi phí khác	32	5.21	274.367.229	66.601.863
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(95.128.737)**	**85.858.921**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**20.865.431.428**	**17.434.720.011**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	4.114.881.031	2.359.962.033
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**16.750.550.397**	**15.074.757.978**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	5.23	**284,20**	**275,78**

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thúy	Võ Thị Ngọc Bích	Trần Minh Tâm

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*	***20.865.431.428***	***17.434.720.011***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	15.438.576.554	14.264.663.698
	- Các khoản dự phòng	03	-	159.504.809
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.304.373.885)	(1.946.220.241)
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***33.999.634.097***	***29.912.668.277***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.031.027.377	12.917.365.846
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.411.695.198	(10.522.058.472)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	21.775.969.734	(5.662.544.360)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.645.288.822	7.947.126.804
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.181.649.009)	(4.958.000.000)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.792.478.364)	(7.556.579.282)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	***59.889.487.855***	***22.077.978.813***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.575.739.848)	(28.822.405.874)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.909.091	-
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.200.000.000)	(10.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.428.457.512	1.912.390.724
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(40.326.373.245)***	***(36.910.015.150)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.976.560.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(3.976.560.000)***	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**15.586.554.610**	**(14.832.036.337)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**41.543.173.153**	**56.375.209.490**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**57.129.727.763**	**41.543.173.153**

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thúy	Võ Thị Ngọc Bích	Trần Minh Tâm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 04/10/2018 là 198.930.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG URBAN ENVIROMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: CTY CP MTĐT AG.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch trên sàn UpCom. Mã cổ phiếu: AGE.

Trụ sở chính của Công ty tại số 128 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số lao động bình quân của Công ty năm 2020 là 810 người (năm 2019 là: 745 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lắng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải; Đầu tư xây dựng hoa viên nghĩa trang và các dự án khác; Thi công xây dựng công trình nông thôn, công nông thôn, công cộng; Xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Tái chế phế liệu; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Mua bán cây xanh, hoa kiểng các loại; Sản xuất gạch lót vỉa hè; Sản xuất xe rác kéo tay; Sản xuất thùng rác; Mua bán gạch lót vỉa hè; Sản xuất và thi công khung thép, các cấu kiện thép của công trình hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, khung tiền chế, cửa các loại và các cấu kiện thép khác; Thi công trang trí nội thất, ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt, thi công điện dân dụng, công nghiệp, chiếu sáng công cộng, hạ tầng hạ thế; Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác; Thiết kế làm mới thùng, khung xe chuyên dụng và ô tô các loại; Sản xuất xe rác kéo tay, khung xe các loại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Dịch vụ duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước vỉa hè, cầu đường, sơn vạch kẻ đường; Mua bán phế liệu (ngoại trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); Mua bán thùng rác và xe rác kéo tay; Trồng cây cảnh lâu năm và các cây lâu năm khác; Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh các loại; Trồng hoa hàng năm; Trồng và cắt tỉa tạo hình hoa kiểng các loại; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng dân dụng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Số 01, Nguyễn Huệ, Khóm 4, Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
2. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang
3. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269 Hoàng Diệu, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang.
4. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21 Lê Thị Riêng, Khóm Long Thạnh C, Phường Long Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang
5. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1 Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
6. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang
7. Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, Tổ 30, Ấp Phú Mỹ, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang
8. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang
9. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Đường Tỉnh lộ 942, Ấp Long Hòa, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang
10. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Số 44 Hai Bà Trưng, Ấp Bình Hòa, Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2020 là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2015/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/TT-BTC ngày 13/10/2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính được được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	06 - 13

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán được khấu hao trong 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- *Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.
- *Giá trị lợi thế kinh doanh:* Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Hố chôn lấp rác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí phải trả cho dịch vụ theo thời gian thực hiện hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.
- Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định hiện hành về thuế. Chi tiết các mức thuế suất Công ty được áp dụng trong năm 2020:

Loại hoạt động	Mức thuế suất thuế TNDN áp dụng
Hoạt động thu gom rác	10%
Hoạt động xử lý rác nguy hại	10% được giảm 50%
Hoạt động xử lý chất thải rắn	10%
Hoạt động thông thường	20%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu dịch vụ công ích tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.169.780.263	1.581.085.803
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.459.947.500	9.962.087.350
Tương đương tiền	38.500.000.000	30.000.000.000
Cộng	**57.129.727.763**	**41.543.173.153**

Tương đương tiền là khoản: Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh An Giang, số tiền 18.500.000.000 đồng; Ngân hàng TM CP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 20.000.000.000 đồng; lãi suất từ 3,8%/năm đến 3,85%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ủy ban Nhân dân thành phố Châu Đốc	3.328.027.627	8.288.153.143
Ủy ban Nhân dân thành phố Long Xuyên	6.879.469.000	4.413.000.000
Uỷ ban Nhân dân huyện Chợ Mới	-	2.735.536.086
Các đối tượng còn lại	14.732.928.219	14.613.483.222
Cộng	**24.940.424.846**	**30.050.172.451**

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đối tượng đầu tư	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**20.453.160.485**	**20.453.160.485**	**10.433.829.517**	**10.433.829.517**
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.453.160.485	20.453.160.485	10.433.829.517	10.433.829.517
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh An Giang	*5.000.000.000*	*5.000.000.000*	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh An Giang	*453.160.485*	*453.160.485*	*433.829.517*	*433.829.517*
Dài hạn	**200.000.000**	**200.000.000**	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	200.000.000	200.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	*200.000.000*	*200.000.000*	-	-
Cộng	**20.653.160.485**	**20.653.160.485**	**10.433.829.517**	**10.433.829.517**

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 - 7 tháng với lãi suất từ 5.8%/năm - 7%/năm.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất 7%/năm.

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	**840.437.471**	-	**220.421.603**	-
Ký quỹ ký cược	3.466.500	-	-	-
Lãi dự thu	237.304.948	-	192.661.542	-
Các khoản chi hộ tiền điện công lộ	599.666.023	-	27.760.061	-
b) Dài hạn	**216.265.000**	-	**318.010.585**	-
- Ký cược, ký quỹ	216.265.000	-	318.010.585	-
Cộng	**1.056.702.471**	-	**538.432.188**	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	1.216.560.329	-	1.216.560.329	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	554.149.855	-	554.149.855	-
Cộng	**1.770.710.184**	**-**	**1.770.710.184**	**-**

Trong đó:	Quá dưới 1 năm	Quá hạn 1-dưới 2 năm	Quá hạn 2-dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	-	-	-	1.216.560.329
Khách hàng khác	-	-	-	554.149.855

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	655.000.247	-	467.236.658	-
Công cụ, dụng cụ	13.482.000	-	9.480.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.583.581.287	-	24.170.689.190	-
Thành phẩm	-	-	16.352.884	-
Cộng	**16.252.063.534**	**-**	**24.663.758.732**	**-**

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND (Trình bày lại)
a) Ngắn hạn	**2.158.762.970**	**815.849.113**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	823.153.060	196.545.376
Chi phí thuê giữ đất	5.778.750	6.934.500
Phí sử dụng đường bộ	137.934.266	57.001.019
Chi phí sửa chữa	907.164.629	523.058.694
Chi phí trả trước khác	284.732.265	32.309.524
b) Dài hạn	**3.933.633.970**	**7.921.836.649**
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	672.831.831	971.827.005
Chi phí xây dựng hố chôn lấp rác	748.800.186	4.313.007.093
Giá trị lợi thuế kinh doanh	903.348.991	2.099.253.799
Chi phí sửa chữa tài sản	1.528.047.062	476.446.723
Chi phí trả trước khác	80.605.900	61.302.029
Cộng	**6.092.396.940**	**8.737.685.762**

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	**45.216.183.720**	**12.350.329.503**	**106.738.132.355**	**48.181.818**	**426.532.000**	**164.779.359.396**
Tăng trong năm	**2.767.852.438**	**1.246.819.743**	**20.995.290.906**	**-**	**71.280.000**	**25.081.243.087**
Mua trong năm	-	50.000.000	20.995.290.906	-	-	21.045.290.906
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.767.852.438	1.196.819.743		-	71.280.000	4.035.952.181
Giảm trong năm	**1.434.199.450**	**-**	**160.000.000**	**-**	**-**	**1.594.199.450**
Thanh lý nhượng bán	1.434.199.450	-	160.000.000	-	-	1.594.199.450
Số dư tại ngày 31/12/2020	**46.549.836.708**	**13.597.149.246**	**127.573.423.261**	**48.181.818**	**497.812.000**	**188.266.403.033**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	**14.861.716.460**	**1.132.269.133**	**46.639.333.349**	**19.678.713**	**204.952.937**	**62.857.950.592**
Tăng trong năm	**3.061.528.069**	**1.624.273.484**	**10.612.411.915**	**9.636.360**	**49.617.840**	**15.357.467.668**
Khấu hao trong năm	3.061.528.069	1.624.273.484	10.612.411.915	9.636.360	49.617.840	15.357.467.668
Giảm trong năm	**1.225.232.358**	**-**	**160.000.000**	**-**	**-**	**1.385.232.358**
Thanh lý nhượng bán	1.225.232.358	-	160.000.000	-	-	1.385.232.358
Số dư tại ngày 31/12/2020	**16.698.012.171**	**2.756.542.617**	**57.091.745.264**	**29.315.073**	**254.570.777**	**76.830.185.902**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	**30.354.467.260**	**11.218.060.370**	**60.098.799.006**	**28.503.105**	**221.579.063**	**101.921.408.804**
Tại ngày 31/12/2020	**29.851.824.537**	**10.840.606.629**	**70.481.677.997**	**18.866.745**	**243.241.223**	**111.436.217.131**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 20.287.225.228 VND (tại ngày 31/12/2019 là 4.515.761.800 VND).

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	**13.896.146.234**	**427.850.000**	**14.323.996.234**
Tăng trong năm	**-**	**85.000.000**	**85.000.000**
Mua trong năm		85.000.000	85.000.000
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**
Số dư tại ngày 31/12/2020	**13.896.146.234**	**512.850.000**	**14.408.996.234**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	**-**	**149.721.486**	**149.721.486**
Tăng trong năm	**-**	**81.108.886**	**81.108.886**
Khấu hao trong năm	-	81.108.886	81.108.886
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**
Số dư tại ngày 31/12/2020	**-**	**230.830.372**	**230.830.372**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	**13.896.146.234**	**278.128.514**	**14.174.274.748**
Tại ngày 31/12/2020	**13.896.146.234**	**282.019.628**	**14.178.165.862**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 36.000.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là: 36.000.000 VND).

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Chi mua sắm	**1.027.409.091**	**136.500.000**
Phần mềm nhân sự	136.500.000	136.500.000
Xe ô tô con 7 chỗ MITSUBISHI Pajero Sport màu trắng 67A-163.64	890.909.091	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	**65.041.302.163**	**122.149.394.191**
Dự án khu Liên Hợp Châu Thành - Cụm Long Xuyên	354.379.639	354.379.639
Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Thoại Sơn	-	234.681.455
Dự án Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Vĩnh Gia - Huyện Tri Tôn	631.749.408	626.749.408
Bãi chôn lấp rác thải - xã Bình Hòa	140.275.091	13.273.636
Dự án nhà Máy xử lý chất thải rắn - Huyện Chợ Mới	17.550.481.453	6.120.677.180
Xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - KLH xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	774.683.000	-
Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác - Huyện Bình Đức	42.409.723.572	38.382.859.572
Dự án cải tạo, chôn lấp hợp vệ sinh bãi rác kênh 10, ô số 1 phần phủ đỉnh (kênh 10, TP Châu Đốc)	3.180.010.000	2.834.655.000
Dự án hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1)	-	73.582.118.301
c) Chi sửa chữa	**147.099.452**	**77.700.000**
Xe ủi (Công ty)	-	31.400.000
Xe đào 07 EX (Công ty)	-	46.300.000
Xe 67C-114.68 (XN Thoại Sơn)	104.701.271	-
Xe 67C-113.89	42.398.181	-
Cộng	**66.215.810.706**	**122.363.594.191**

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn *Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020 (VND)			01/01/2020			31/12/2020
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm			
Công ty Cổ phần Vận Tải Thương Mại Xây Dựng Công Nghiệp Đức Long	12.663.000.000	12.663.000.000	-	-	21.441.311.913	19.776.988.135	2.302.535.136		
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Mới	15.477.000	15.477.000	15.477.000	15.477.000	16.833.182.950	16.897.158.401	313.686.255		
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Giao thông An Giang	8.924.000	8.924.000	8.924.000	8.924.000	4.114.881.031	2.181.649.009	1.988.848.881		
Công ty Cổ Phần Báo Chí Và Thương Hiệu Quốc Gia	-	-	4.400.000	4.400.000	493.247.932	698.180.725	-		
Các đối tượng còn lại	1.206.618.580	1.206.618.580	830	830	-	-	-		
Cộng	**13.894.019.580**	**13.894.019.580**	**28.801.830**	**28.801.830**	**1.803.193**	**1.803.193**	**1.803.193**		

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2020	31/12/2020
Phải nộp	**638.211.358**	
Thuế GTGT	377.661.706	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.616.859	
Thuế thu nhập cá nhân	204.932.793	
Phải thu	-	
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trích trước chi phí bồi dưỡng hiện vật	138.870.000	6.181.773
Chi phí xử lý nước thải KLH Châu Thành sau đóng cửa	14.547.426.964	-
Cộng	**14.686.296.964**	**6.181.773**

5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	35.023.547
Cộng	**-**	**35.023.547**

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	395.069.000	395.069.000
Phải trả về cổ phần hoá	-	3.406.239.694
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.980.640.000	3.978.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	466.340.012	538.312.728
Cộng	**4.842.049.012**	**8.318.221.422**

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Thu hộ khác	174.600.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	291.740.012	4.560.728
Tiền bảo hành công trình phải trả cho nhà cung cấp	-	533.752.000
Cộng	**466.340.012**	**538.312.728**

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	**198.930.000.000**	**1.887.707.802**	**3.124.267.753**		**202.054.267.753**
Tăng trong năm	-	-	**19.570.767.603**	**114.799.632.873**	**136.258.108.278**
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	15.074.757.978	-	15.074.757.978
Phân phối lợi nhuận quý 4/2018 và năm 2019	-	1.887.707.802	-	-	1.887.707.802
Nguồn vốn XDCB từ ngân sách nhà nước	-	-	-	114.799.632.873	114.799.632.873
Điều chỉnh khấu hao	-	-	4.496.009.625	-	4.496.009.625
Giảm trong năm	-	-	**22.015.999.607**	-	**22.015.999.607**
Trích quỹ đầu tư phát triển quý 4/2018 và năm 2019	-	-	1.887.707.802	-	1.887.707.802
Trích quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành quý 4/2018	-	-	2.065.000.000	-	2.065.000.000
Trích quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2019	-	-	9.588.681.880	-	9.588.681.880
Xử lý tài chính về việc quyết toán vốn nhà nước	-	-	4.496.009.925	-	4.496.009.925
Chia cổ tức quý 4/2018 và năm 2019	-	-	3.978.600.000	-	3.978.600.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	**198.930.000.000**	**1.887.707.802**	**679.035.749**	**114.799.632.873**	**316.296.376.424**
Số dư tại ngày 01/01/2020	**198.930.000.000**	**1.887.707.802**	**679.035.749**	**114.799.632.873**	**316.296.376.424**
Tăng trong năm	-	**1.675.055.040**	**16.750.550.397**	**4.372.219.000**	**22.797.824.437**
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	16.750.550.397	-	16.750.550.397
Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	1.675.055.040	-	-	1.675.055.040
Nguồn vốn XDCB từ ngân sách nhà nước	-	-	4.372.219.000	4.372.219.000	
Giảm trong năm	-	-	**17.429.586.146**	**73.582.118.301**	**91.011.704.447**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của năm 2019 (i)	-	-	679.035.749	-	679.035.749
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban Điều hành năm 2020 (i)	-	-	11.096.895.357	-	11.096.895.357
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020 (i)	-	-	1.675.055.040	-	1.675.055.040
Tạm chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	3.978.600.000	-	3.978.600.000
Bàn giao tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước (ii)	-	-	-	73.582.118.301	73.582.118.301
Số dư tại ngày 31/12/2020	**198.930.000.000**	**3.562.762.842**	**-**	**45.589.733.572**	**248.082.496.414**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Công ty phân phối lợi nhuận còn lại năm 2019 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, chia cổ tức với tỷ lệ 2% mệnh giá, trích quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020, quỹ thưởng ban điều hành 1 tháng lương thực hiên, toàn bộ lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020.

(ii) Công ty bàn giao toàn bộ dự án Hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (Giai đoạn 1), là dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 10/6/2020.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
Đối tượng	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
UBND tỉnh An Giang	97,88%	19.471.800	194.718.000.000	97,88%	19.471.800	194.718.000.000
Các cổ đông khác	2,12%	421.200	4.212.000.000	2,12%	421.200	4.212.000.000
Tổng	**100%**	**19.893.000**	**198.930.000.000**	**100%**	**19.893.000**	**198.930.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2020	**198.930.000.000**	**198.930.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12/2020	**198.930.000.000**	**198.930.000.000**
Cổ tức đã chia trong năm	*3.978.600.000*	*3.978.600.000*
Trích các quỹ	*13.450.986.146*	*13.541.389.682*

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**19.893.000**	**19.893.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**19.893.000**	**19.893.000**
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**19.893.000**	**19.893.000**
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.562.762.842	1.887.707.802
Cộng	**3.562.762.842**	**1.887.707.802**

5.17 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**261.252.520.375**	**195.017.740.957**
Doanh thu xây dựng	317.140.000	1.272.605.455
Doanh thu dịch vụ công ích	237.185.567.987	162.906.778.621
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.749.812.388	30.838.356.881
Các khoản giảm trừ doanh thu	**501.462.961**	-
Giảm giá hàng bán	501.462.961	-
Doanh thu thuần	**260.751.057.414**	**195.017.740.957**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn xây dựng	210.645.746	881.654.682
Giá vốn dịch vụ công ích	217.917.387.300	152.167.578.004
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.084.501.752	10.444.409.680
Cộng	**225.212.534.798**	**163.493.642.366**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	2.492.431.886	1.970.902.676
Cộng	**2.492.431.886**	**1.970.902.676**

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.373.310.385	11.759.761.631
Chi phí vật liệu quản lý	143.368.044	101.985.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	546.736.673	410.166.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	514.189.143	429.465.852
Thuế phí và lệ phí	172.627.706	180.293.898
Chi phí dự phòng	-	159.504.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	639.657.780	752.861.663
Chi phí bằng tiền khác	2.680.504.606	2.352.100.655
Cộng	**17.070.394.337**	**16.146.140.177**

5.21 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Tiền bồi thường	11.600.000	-
Các khoản khác	167.638.492	152.460.784
Cộng	**179.238.492**	**152.460.784**
Chi phí khác		
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD	188.058.001	-
Các khoản bị phạt	78.393.007	-
Các khoản khác	7.916.221	66.601.863
Cộng	**274.367.229**	**66.601.863**
Lợi nhuận khác	**(95.128.737)**	**85.858.921**

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	**20.865.431.428**	**17.434.720.011**
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	***14.630.949.971***	***227.989.672***
Chi phí không được tính thuế	*14.630.949.971*	*227.989.672*
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	**35.496.381.399**	**17.662.709.683**
Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.956.869.199	6.217.213.505
Thu nhập chịu thuế suất 10%	28.930.631.616	10.884.890.467
Thu nhập chịu thuế suất 10% (được giảm 50% số thuế phải nộp)	608.880.584	560.605.711
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.145.325.060**	**2.387.992.319**
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% của hoạt động xử lý rác nguy hại	30.444.029	28.030.286
Thuế TNDN hiện hành	**4.114.881.031**	**2.359.962.033**

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.750.550.397	15.074.757.978
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, quỹ đầu tư phát triển (i)	(11.096.895.357)	(9.588.681.880)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.653.655.040	5.486.076.098
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (ii)	**284,20**	**275,78**

(i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ năm 2020 ngày 22/6/2020, theo đó Công ty tạm trích Quỹ thưởng ban điều hành, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trừ đi cổ tức năm 2020 (2% mệnh giá) và Quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020). Khi có nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2020, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể bị thay đổi.

(ii) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.074.757.978	15.074.757.978
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành	(11.653.681.880)	(9.588.681.880)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.421.076.098	5.486.076.098
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**171,97**	**275,78**

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.831.891.093	23.974.990.604
Chi phí nhân công	146.979.907.960	119.582.605.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.438.576.554	14.264.663.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.370.888.357	24.189.621.891
Chi phí khác bằng tiền	10.072.920.904	6.295.285.581
Cộng	**233.694.184.868**	**188.307.166.863**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND (Trình bày lại)
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	619.831.070	598.252.615
Trần Minh Tâm	Thành viên	42.000.000	40.950.000
Đỗ Văn Lạc	Thành viên	93.600.000	84.300.000
Trần Hữu Bình	Thành viên	93.600.000	84.300.000
Đặng Anh Dũng	Thành viên	40.800.000	39.780.000
Tổng		**889.831.070**	**847.582.615**
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Thư ký Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Hữu Hạnh	Thư ký	93.600.000	84.280.000
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát			
Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban	531.281.073	510.349.769
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	45.360.000	-
Nguyễn Kim Hiện	Thành viên	45.360.000	88.560.000
Trần Đình Thư	Thành viên	90.720.000	88.560.000
Tổng		**712.721.073**	**687.469.769**
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc			
Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	614.577.544	595.381.387
Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	604.855.374	584.787.995
Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	511.065.229	246.446.923
Tổng		**1.730.498.147**	**1.426.616.305**
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Kế toán trưởng			
Võ Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng	486.771.079	467.119.307

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thúy	Võ Thị Ngọc Bích	Trần Minh Tâm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Tâm